

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

Hà Nội, tháng 8 năm 2015

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 26

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà (“Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ hoạt động và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng quản trị**

Ông Bùi Minh Đức	Chủ tịch
Ông Trần Hồng Thanh	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Kim Hoa	Ủy viên
Ông Nguyễn Mạnh Tuấn	Ủy viên
Ông Nguyễn Việt Hà	Ủy viên

**Ban Giám đốc**

Ông Trần Hồng Thanh	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Kim Hoa	Phó Tổng giám đốc

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ hoạt động. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và áp dụng kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Trần Hồng Thanh  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2015

Số: 173 /2015/AP - BCSX

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Kính gửi: Các cổ đông  
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán của Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà (gọi tắt là "Công ty") tại ngày 30/06/2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 và thuyết minh báo cáo tài chính được lập trình bày từ trang 4 đến trang 26 kèm theo (Sau đây gọi tắt là báo cáo tài chính bán niên 2015). Việc lập và trình bày báo cáo tài chính bán niên 2015 này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính bán niên 2015 dựa trên việc soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét, chúng tôi không thấy có sự kiện nào cho rằng báo cáo tài chính bán niên 2015 kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà tại ngày 30/06/2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



Vũ Bình Minh

Giám đốc

Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán 0034-2013-148-1

Ngô Việt Thanh

Kiểm toán viên

Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán 1687-2013-148-1

*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN PHÚ**

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2015

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

**MẪU SỐ B01a - DN**

*Đơn vị tính: VND*

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015	01/01/2015
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>195.694.289.417</b>	<b>227.546.221.038</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>24.538.689.207</b>	<b>50.877.095.365</b>
1. Tiền	111	4	24.538.689.207	40.877.095.365
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	10.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>40.000.000.000</b>	<b>40.000.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	40.000.000.000	40.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>39.245.133.590</b>	<b>53.895.265.085</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	31.263.619.126	50.750.352.811
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		4.220.649.342	839.256.185
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		830.244.003	15.437.366
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	2.906.992.182	2.290.218.723
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		23.628.937	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>85.056.149.600</b>	<b>82.058.246.230</b>
1. Hàng tồn kho	141		85.056.149.600	82.058.246.230
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>6.854.317.020</b>	<b>715.614.358</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	1.769.339.269	88.255.400
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		353.487.097	545.495.071
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		4.731.490.654	81.863.887
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>102.463.482.204</b>	<b>109.555.765.857</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>209.446.975</b>	<b>209.446.975</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216		209.446.975	209.446.975
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>43.920.558.504</b>	<b>49.422.349.669</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	43.919.447.389	49.414.571.888
- Nguyên giá	222		246.467.243.475	242.824.379.475
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(202.547.796.086)	(193.409.807.587)
2. Tài sản cố định vô hình	227		1.111.115	7.777.781
- Nguyên giá	228		196.200.000	196.200.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(195.088.885)	(188.422.219)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>2.732.535.176</b>	<b>2.732.535.176</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		2.732.535.176	2.732.535.176
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>55.600.941.549</b>	<b>57.191.434.037</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	55.000.941.549	55.991.434.037
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	11	600.000.000	1.200.000.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>298.157.771.621</b>	<b>337.101.986.895</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

MẪU SỐ B01a - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015	01/01/2015
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>80.855.301.152</b>	<b>127.717.956.104</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>80.386.806.952</b>	<b>127.302.261.904</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	27.346.197.436	73.319.881.440
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		923.166.988	720.526.298
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	582.435.561	7.315.698.472
4. Phải trả người lao động	314		37.664.388.755	25.778.193.312
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	14	735.405.919	7.125.940.168
7. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		142.818.182	120.909.092
8. Phải trả ngắn hạn khác	319	15	644.132.764	479.551.775
9. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		252.500.000	252.500.000
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		12.095.761.347	12.189.061.347
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>468.494.200</b>	<b>415.694.200</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	15	468.494.200	415.694.200
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>217.302.470.469</b>	<b>209.384.030.791</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>16</b>	<b>217.302.470.469</b>	<b>209.384.030.791</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	16	82.125.000.000	82.125.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		82.125.000.000	82.125.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	16	22.721.250.000	22.721.250.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		3.656.202.300	3.656.202.300
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	16	97.119.397.642	97.119.397.642
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	16	11.680.620.527	3.762.180.849
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		3.512.180.849	3.762.180.849
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		8.168.439.678	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>298.157.771.621</b>	<b>337.101.986.895</b>

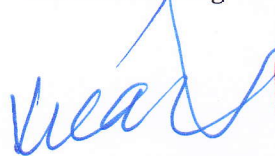
Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2015

Người lập



Nguyễn Thị Thanh Bình

Kế toán trưởng



Đỗ Thị Kim Xuân

Tổng Giám đốc



Trần Hồng Thanh

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**MẪU SỐ B02a- DN**

Đơn vị tính: VND

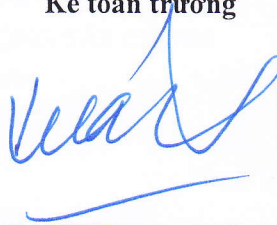
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ so sánh
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	317.767.340.772	345.860.289.009
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	18	5.596.509.299	2.928.739.380
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		312.170.831.473	342.931.549.629
4. Giá vốn hàng bán	11	19	265.521.365.489	279.758.622.653
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		46.649.465.984	63.172.926.976
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	1.322.580.438	2.394.241.366
7. Chi phí tài chính	22	21	71.855.121	46.758.042
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		8.181.000	8.181.000
8. Chi phí bán hàng	25	22	18.927.755.372	24.756.309.174
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	19.229.320.707	31.602.534.538
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		9.743.115.222	9.161.566.588
11. Thu nhập khác	31	24	1.716.052.198	3.225.102.678
12. Chi phí khác	32	25	879.751.337	1.852.383.623
13. Lợi nhuận khác	40		836.300.861	1.372.719.055
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		10.579.416.083	10.534.285.643
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	1.810.976.405	2.317.350.539
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	27	600.000.000	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		8.168.439.678	8.216.935.104
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	995	1.001

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2015

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc


Nguyễn Thị Thanh Bình

Đỗ Thị Kim Xuân

Trần Hồng Thanh

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**MẪU SỐ B03a - DN**  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ so sánh
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	10.579.416.083	10.534.285.643
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	9.144.655.165	9.344.831.298
- Các khoản dự phòng	03	-	(178.565.298)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(158.124.587)	(113.082.495)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.055.250.984)	(2.278.866.871)
- Chi phí lãi vay	06	8.181.000	8.181.000
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	18.518.876.677	17.316.783.277
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	9.423.731.655	5.290.096.221
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(2.997.903.370)	2.149.064.987
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(40.582.864.667)	(17.011.558.836)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(690.591.381)	875.564.220
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(5.711.389.578)	(6.625.868.183)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	165.108.500	269.552.936
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(364.300.000)	(196.557.703)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20	<b>(22.239.332.164)</b>	<b>2.067.076.919</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(6.278.075.500)	(1.486.755.637)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.130.945.428	4.167.783.537
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30	<b>(4.147.130.072)</b>	<b>2.681.027.900</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(5.691.500)	(5.564.625)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40	<b>(5.691.500)</b>	<b>(5.564.625)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	50	<b>(26.392.153.736)</b>	<b>4.742.540.194</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	60	<b>50.877.095.365</b>	<b>58.999.151.817</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	53.747.578	26.857.738
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	70	<b>24.538.689.207</b>	<b>63.768.549.749</b>

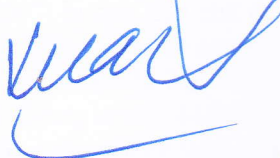
Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2015

Người lập



Phạm Thị Hương Giang

Kế toán trưởng



Đỗ Thị Kim Xuân

Tổng Giám đốc



Trần Hồng Thanh



**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà (“Công ty”) là Công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty Bánh kẹo Hải Hà theo Quyết định số 191/2003/QĐ-BCN ngày 14/11/2003 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103003614 ngày 20/01/2004 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101444379 thay đổi lần thứ 4 ngày 07/05/2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 4 ngày 07/05/2012, tổng số vốn điều lệ của Công ty là 82.125.000.000 VND tương ứng với 8.212.500 cổ phần, giá trị mỗi cổ phần là 10.000 VND, trong đó, vốn Nhà nước (Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam) là 41.883.750.000 VND (tương ứng với 4.188.375 cổ phần), chiếm 51%; vốn của các cổ đông khác là 40.241.250.000 VND (tương ứng với 4.024.125 cổ phần), chiếm 49%.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/6/2015 là 1.265 người (tại 31/12.2014 là 1.297 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Sản xuất và kinh doanh các loại thực phẩm, đồ uống như bánh, kẹo, đường, sữa, cà phê, đồ uống không cồn, nước khoáng...;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Đầu tư xây dựng, cho thuê văn phòng, nhà ở, trung tâm thương mại.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Cấu trúc Công ty**

Tổ chức của Công ty bao gồm:

- Trụ sở chính đặt tại số 25 - 27 đường Trương Định, phường Trương Định, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.
- Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh, trụ sở tại Lô 27 đường Tân Tạo - Khu CN Tân Tạo, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi nhánh Đà Nẵng, trụ sở tại số 134 đường Phan Thanh, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng;
- Nhà máy bánh kẹo Hải Hà 1 tại đường Lạc Long Quân, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ;
- Nhà máy bánh kẹo Hải Hà 2 tại số 3, đường Thanh Bình, phường Hạ Long, thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định;

**Áp dụng Chế độ kế toán mới**

Kể từ ngày 01/01/2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014 (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01/01/2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 có thể không so sánh được với số liệu tương ứng của năm 2014 do ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính bán niên này.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Báo cáo tài chính bán niên 2015 được lập phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ và Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

***Ghi nhận ban đầu***

***Tài sản tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

***Công nợ tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay, chi phí phải trả.

***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành, chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản phù hợp với khung khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính; riêng một số tài sản cố định thuộc nhóm máy móc, thiết bị và nhóm phương tiện vận tải được tính theo phương pháp số dư giảm dần có điều chỉnh. Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

	Năm
Nhà cửa vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc thiết bị	03 – 08
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 10
Thiết bị quản lý	03 – 07

### Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị các chương trình phần mềm về quản lý và kế toán. Các chương trình phần mềm được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 03 năm.

### Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Theo quyết định số 288/QĐ - HDQT ngày 09/06/2011 của Hội đồng quản trị Công ty đã phê duyệt dự án “Di dời, đầu tư xây dựng Nhà máy bánh kẹo Hải Hà” tại Khu công nghiệp VSIP Bắc Ninh, Phù Chân, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh với tổng vốn đầu tư là 485.043.079.000 đồng (đã bao gồm thuế GTGT) được hình thành từ nguồn lợi nhuận thu được từ dự án hợp tác đầu tư khai thác khu đất tại 25 Trương Định, Hà Nội sau khi di dời và nguồn quỹ đầu tư phát triển sản xuất của Công ty. Dự án bắt đầu được thực hiện từ quý IV năm 2010 và dự kiến sẽ hoàn thành toàn bộ công trình vào quý IV năm 2015.

Do thành phố Hà Nội có chủ trương tạm dừng cấp phép cho các dự án nhà thương mại đến hết năm 2014 và thị trường bất động sản vẫn chưa phục hồi nên việc huy động vốn từ Dự án tại địa điểm 25 Trương Định, Hà Nội gặp khó khăn. Điều này dẫn đến việc chậm tiến độ xây dựng nhà máy mới tại Khu công nghiệp VSIP Bắc Ninh so với kế hoạch Công ty đã đề ra. Hiện tại, Công ty đã triển khai xây dựng một số hạng mục tại Khu công nghiệp VSIP Bắc Ninh như nhà kho nguyên liệu, nhà kho thành phẩm, hệ thống bể nước ngầm... nằm trong các hạng mục của Dự án xây dựng Nhà máy mới.

### Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí trả trước tiền thuê đất tại khu công nghiệp Tân Tạo và khu Công nghiệp VSIP - Bắc Ninh, chi phí thuê kho, thuê cửa hàng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Chi phí trả trước tiền thuê đất được phân bổ dần vào kết quả kinh doanh theo thời gian của hợp đồng thuê, bao gồm:

- Tiền thuê 2.565 m<sup>2</sup> đất tại Khu Công nghiệp Tân Tạo với đơn giá thuê 1.425.420 VND/m<sup>2</sup>, thời gian thuê là 45 năm kể từ năm 2005 theo Hợp đồng thuê đất số 309/HĐ-TLĐ/KD-05 ngày 10/05/2005 được ký với Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Tân Tạo.
- Tiền thuê 48.705 m<sup>2</sup> đất tại Khu Công nghiệp VSIP Bắc Ninh với đơn giá thuê là 62 USD/m<sup>2</sup>, thời gian thuê là 47 năm kể từ ngày 14/12/2010 theo Hợp đồng thuê đất số 054B/055/056/057A ngày 14/12/2010 được ký với Công ty TNHH VSIP Bắc Ninh. Tổng số tiền thuê đất Công ty đã trả trước cho Công ty TNHH VSIP Bắc Ninh đến thời điểm 30/6/2015 là 51.985.464.607 VND.

Các khoản chi phí dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ và các chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng 02 năm theo các quy định kế toán hiện hành.

#### **Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

#### **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

#### **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong kỳ khi phát sinh trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng để hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa hình thành nguyên giá của tài sản đó. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng trong thời gian quá trình đầu tư, sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu và cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào trạng thái sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

### **Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam.

### **Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với công ty bao gồm cả Công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc, viên chức Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09a - DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>30/6/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Tiền mặt	742.612.994	480.768.538
Tiền gửi ngân hàng	23.796.076.213	40.396.326.827
Các khoản tương đương tiền	-	10.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>24.538.689.207</u></b>	<b><u>50.877.095.365</u></b>

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	<u>30/6/2015</u>		<u>01/01/2015</u>	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>				
- Tiền gửi có kỳ hạn	40.000.000.000	40.000.000.000	40.000.000.000	40.000.000.000
<b>Dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>40.000.000.000</u></b>	<b><u>40.000.000.000</u></b>	<b><u>40.000.000.000</u></b>	<b><u>40.000.000.000</u></b>

Các khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Hà Nội, có kỳ hạn từ 3 tháng đến 13 tháng với lãi suất từ 5% đến 7,5%.

**6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>30/6/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
<b>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>31.263.619.126</b>	<b>50.750.352.811</b>
-IMPACT CO., LTD ( Shine Win Trading)	3.867.225.421	6.116.328.910
-ZONA TRADING FOODS CO.,LTD(D-Khand)	3.645.145.070	6.174.066.160
- Các khoản phải thu khách hàng khác	23.751.248.635	38.459.957.741
<b>Phải thu khách hàng dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>31.263.619.126</u></b>	<b><u>50.750.352.811</u></b>

Các khoản phải thu của Công ty đều trong thời hạn thanh toán, không có nợ xấu.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	30/6/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>2.906.992.182</b>	-	<b>2.290.218.723</b>	-
- Tạm ứng	2.676.200.212	-	1.084.268.290	-
- Các khoản chi hộ	116.791.970	-	16.165.989	-
- Phải thu khác	114.000.000	-	1.189.784.444	-
<b>Dài hạn</b>	<b>209.446.975</b>	-	<b>209.446.975</b>	-
- Ký cược, ký quỹ	209.446.975	-	209.446.975	-
<b>Cộng</b>	<b>3.116.439.157</b>	-	<b>2.499.665.698</b>	-

**8. HÀNG TỒN KHO**

	30/6/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng đang đi trên đường	1.805.230.758	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	51.275.823.145	-	44.265.485.606	-
Công cụ, dụng cụ	253.268.197	-	275.568.281	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	84.475.272	-	82.490.614	-
Thành phẩm	21.672.499.772	-	24.273.055.209	-
Hàng hoá	9.964.852.456	-	13.161.646.520	-
<b>Cộng</b>	<b>85.056.149.600</b>	-	<b>82.058.246.230</b>	-

**9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	30/6/2015	01/01/2015
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.769.339.269</b>	<b>88.255.400</b>
- Chi phí trả trước về thuê hoạt động TSCĐ	62.386.362	77.938.362
- Chi phí quảng cáo	739.918.750	-
- Các khoản khác	967.034.157	10.317.038
<b>Dài hạn</b>	<b>55.000.941.549</b>	<b>55.991.434.037</b>
- Chi phí thuê đất tại KCN VSIP Bắc Ninh	51.985.464.607	52.585.464.607
- Chi phí thuê đất tại KCN Tân Tạo (TP Hồ Chí Minh)	2.831.976.942	2.872.601.412
- Chi phí trả trước dài hạn khác	183.500.000	533.368.018
<b>Cộng</b>	<b>56.770.280.818</b>	<b>56.079.689.437</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2015	46.273.379.322	180.047.122.798	16.240.554.569	263.322.786	242.824.379.475
Mua trong kỳ	-	3.642.864.000	-	-	3.642.864.000
Giảm khác	-	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2015	46.273.379.322	183.689.986.798	16.240.554.569	263.322.786	246.467.243.475
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2015	25.837.316.476	156.908.481.794	10.414.479.687	249.529.630	193.409.807.587
Khấu hao trong kỳ	2.015.827.542	6.291.871.476	825.748.130	4.541.351	9.137.988.499
Phân loại lại	-	(249.454.548)	249.454.548	-	-
Tại ngày 30/06/2015	27.853.144.018	162.950.898.722	11.489.682.365	254.070.981	202.547.796.086
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 01/01/2015	20.436.062.846	23.138.641.004	5.826.074.882	13.793.156	49.414.571.888
Tại ngày 30/06/2015	18.420.235.304	20.739.088.076	4.750.872.204	9.251.805	43.919.447.389

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình hết khấu hao vẫn sử dụng, chờ thanh lý tại ngày 30/6/2015 là 124.565.948.074 đồng.

**11. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI**

	30/6/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	600.000.000	1.200.000.000
<b>Cộng</b>	<b>600.000.000</b>	<b>1.200.000.000</b>

**12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/6/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Bao bì In Nông nghiệp	3.757.134.766	3.757.134.766	7.603.151.223	7.603.151.223
Công ty TNHH Bao bì Nhựa Tân Hiệp Lợi	3.250.626.142	3.250.626.142	6.290.575.316	6.290.575.316
Phải trả cho các đối tượng khác	20.338.436.528	20.338.436.528	59.426.154.901	59.426.154.901
<b>Cộng</b>	<b>27.346.197.436</b>	<b>27.346.197.436</b>	<b>73.319.881.440</b>	<b>73.319.881.440</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2015	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/6/2015
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	3.017.586.455	38.107.508.444	40.592.520.580	532.574.319
- Thuế GTGT đã khấu trừ	-	28.254.724.091	28.254.724.091	-
- Thuế GTGT phát sinh thêm	3.017.586.455	9.852.784.353	12.337.796.489	532.574.319
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	3.923.414.631	1.810.976.405	5.711.389.578	23.001.458
Thuế Thu nhập cá nhân	372.497.426	143.081.467	490.919.069	24.659.824
Các loại thuế khác	-	8.000.000	8.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	2.199.960	-	-	2.199.960
<b>Cộng</b>	<b>7.315.698.472</b>	<b>40.069.566.316</b>	<b>46.802.829.227</b>	<b>582.435.561</b>

**14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	30/6/2015	01/01/2015
	VND	VND
Trích trước chi phí sửa chữa tài sản cố định	-	635.460.646
Trích trước chi phí lãi vay	35.946.900	27.765.900
Trích trước chi phí vận chuyển, xăng xe	24.509.091	2.122.871.140
Trích trước chi phí khác	674.949.928	4.339.842.482
<b>Cộng</b>	<b>735.405.919</b>	<b>7.125.940.168</b>

**15. PHẢI TRẢ KHÁC**

	30/6/2015	01/01/2015
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>644.132.764</b>	<b>479.551.775</b>
- Kinh phí công đoàn	332.675.284	66.748.263
- Bảo hiểm xã hội	3.877.534	5.889.038
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	14.742.500	20.434.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	292.837.446	386.480.474
<b>Dài hạn</b>	<b>468.494.200</b>	<b>415.694.200</b>
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	468.494.200	415.694.200
<b>Cộng</b>	<b>1.112.626.964</b>	<b>895.245.975</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09a - DN

**16. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	LNST chưa phân phối	Cộng		
Tại ngày 01/01/2014	82.125.000.000	22.721.250.000	3.656.202.300	75.953.671.378	8.646.133.543	3.411.858.297	196.514.115.518		
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	26.514.384.498	26.514.384.498		
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	11.193.873.496	1.325.719.225	(26.164.061.946)	(13.644.469.225)		
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-		
<b>Tại ngày 01/01/2015</b>	<b>82.125.000.000</b>	<b>22.721.250.000</b>	<b>3.656.202.300</b>	<b>87.147.544.874</b>	<b>9.971.852.768</b>	<b>3.762.180.849</b>	<b>209.384.030.791</b>		
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	8.168.439.678	8.168.439.678		
Phân loại lại theo TT 200	-	-	-	9.971.852.768	(9.971.852.768)	-	-		
Giảm khác	-	-	-	-	-	(250.000.000)	(250.000.000)		
<b>Tại ngày 30/6/2015</b>	<b>82.125.000.000</b>	<b>22.721.250.000</b>	<b>3.656.202.300</b>	<b>97.119.397.642</b>	<b>-</b>	<b>11.680.620.527</b>	<b>217.302.470.469</b>		

Nghị quyết số 132/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/3/2015 Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2015 đã quyết định tỷ lệ thanh toán cổ tức là 15%/cổ phiếu bằng tiền mặt. Tổng số tiền cổ tức năm 2014 theo tỷ lệ nêu trên đã được tạm chia và chi trả vào tháng 12/2014 với tổng số tiền là: 12.318.750.000 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	<u>30/6/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Vốn góp của Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam	41.883.750.000	41.883.750.000
Vốn góp của các cổ đông khác	40.241.250.000	40.241.250.000
<b>Cộng</b>	<b><u>82.125.000.000</u></b>	<b><u>82.125.000.000</u></b>

**Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ so sánh</u>
	VND	VND
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	5.691.500	5.564.625
<b>Cổ phiếu</b>		
	<u>30/6/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.212.500	8.212.500
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.212.500	8.212.500
- Cổ phiếu phổ thông	8.212.500	8.212.500
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.212.500	8.212.500
- Cổ phiếu phổ thông	8.212.500	8.212.500
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

**17. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	<u>30/6/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Ngoại tệ các loại - Đô la Mỹ	177.771,36	151.215,06

**18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ so sánh</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	317.767.340.772	345.860.289.009
<b>Cộng</b>	<b><u>317.767.340.772</u></b>	<b><u>345.860.289.009</u></b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ so sánh</u>
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	1.034.469.021	405.379.424
Hàng bán bị trả lại	4.562.040.278	2.523.359.956
<b>Cộng</b>	<b><u>5.596.509.299</u></b>	<b><u>2.928.739.380</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<u>Kỳ này</u> VND	<u>Kỳ so sánh</u> VND
Giá vốn của hàng hoá đã bán	265.521.365.489	279.758.622.653
<b>Cộng</b>	<b><u>265.521.365.489</u></b>	<b><u>279.758.622.653</u></b>

**20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<u>Kỳ này</u> VND	<u>Kỳ so sánh</u> VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.055.250.984	2.278.866.871
Lãi chênh lệch tỷ giá	267.329.454	113.082.495
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	2.292.000
<b>Cộng</b>	<b><u>1.322.580.438</u></b>	<b><u>2.394.241.366</u></b>

**21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<u>Kỳ này</u> VND	<u>Kỳ so sánh</u> VND
Lãi tiền vay	8.181.000	8.181.000
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	41.014.146	38.577.042
Lỗ chênh lệch tỷ giá	22.659.975	-
<b>Cộng</b>	<b><u>71.855.121</u></b>	<b><u>46.758.042</u></b>

**22. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<u>Kỳ này</u> VND	<u>Kỳ so sánh</u> VND
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</b>	<b>19.229.320.707</b>	<b>31.602.534.538</b>
- Chi phí nhân viên quản lý	10.493.586.319	24.491.213.147
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.414.125.990	3.595.178.253
- Các khoản chi phí QLDN khác	4.321.608.398	3.516.143.138
<b>Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</b>	<b>18.927.755.372</b>	<b>24.756.309.174</b>
- Chi phí nhân viên bán hàng	5.467.588.465	9.266.492.197
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.138.667.782	11.425.947.425
- Chi phí bằng tiền khác	4.075.066.729	3.456.647.139
- Các khoản chi phí bán hàng khác	1.246.432.396	607.222.413
<b>Cộng</b>	<b><u>38.157.076.079</u></b>	<b><u>56.358.843.712</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**23. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ so sánh</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	206.388.420.931	214.915.412.753
Chi phí nhân công	64.757.136.828	71.413.963.627
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.144.655.165	9.344.831.298
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.170.714.608	19.856.960.302
Chi phí khác bằng tiền	8.647.347.386	8.724.508.096
<b>Cộng</b>	<b><u>306.108.274.918</u></b>	<b><u>324.255.676.076</u></b>

**24. THU NHẬP KHÁC**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ so sánh</u>
	VND	VND
Thanh lý phế liệu, vật tư	918.037.073	2.320.955.122
Các khoản khác	798.015.125	904.147.556
<b>Cộng</b>	<b><u>1.716.052.198</u></b>	<b><u>3.225.102.678</u></b>

**25. CHI PHÍ KHÁC**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ so sánh</u>
	VND	VND
Chi phí bán phế liệu, vật tư	689.071.337	1.724.389.518
Các khoản khác	190.680.000	127.994.105
<b>Cộng</b>	<b><u>879.751.337</u></b>	<b><u>1.852.383.623</u></b>

**26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ so sánh</u>
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	10.579.416.083	10.534.285.643
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	2.558.124.587	874.105
- Lãi chênh lệch tỉ giá chưa thực hiện	158.124.587	874.105
- Chênh lệch tạm thời về chi phí	2.400.000.000	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	210.419.438	-
- Lợi nhuận chưa thực hiện năm trước đã thực hiện kỳ này	210.419.438	-
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>8.231.710.934</b>	<b>10.533.411.538</b>
Thuế suất	22%	22%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b><u>1.810.976.405</u></b>	<b><u>2.317.350.539</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09a - DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÃN LẠI**

	Kỳ này	Kỳ so sánh
	VND	VND
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	600.000.000	-
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>	<b>600.000.000</b>	<b>-</b>

**28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Kỳ này	Kỳ so sánh
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	8.168.439.678	8.216.935.104
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	8.168.439.678	8.216.935.104
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	8.212.500	8.212.500
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>995</b>	<b>1.001</b>

**29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ 30/6/2015	Giá trị ghi sổ 01/01/2015
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	24.538.689.207	50.877.095.365
Đầu tư ngắn hạn	40.000.000.000	40.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	31.263.619.126	50.750.352.811
Tài sản tài chính khác	209.446.975	209.446.975
<b>Cộng</b>	<b>96.011.755.308</b>	<b>141.836.895.151</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	252.500.000	252.500.000
Phải trả người bán và phải trả khác	27.653.777.382	73.726.795.914
Chi phí phải trả	735.405.919	7.125.940.168
Công nợ tài chính khác	468.494.200	415.694.200
<b>Cộng</b>	<b>29.110.177.501</b>	<b>81.520.930.282</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

### **Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

### **Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc giá trị của dòng tiền tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động do sự biến động về giá trên thị trường. Rủi ro thị trường bị ảnh hưởng bởi các loại: Rủi ro tỷ giá ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá cả khác. Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất trên thị trường.

### **Quản lý rủi ro tỷ giá ngoại tệ**

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	<b>Tài sản</b>		<b>Công nợ</b>	
	<b>30/6/2015</b>	<b>01/01/2015</b>	<b>30/6/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đô la Mỹ (USD)	14.538.801.867	18.112.746.308	-	4.754.414.800

### **Quản lý rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

### **Quản lý rủi ro về giá cả**

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hóa nhất định. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ thông tin và tình hình có liên quan của thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng và bán hàng.



**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty quản lý rủi ro này bằng cách xây dựng chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không để có biện pháp thu hồi công nợ cũng như đưa ra phương án dự phòng rủi ro phù hợp.

Công ty đã áp dụng quy định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07/12/2009 để trích lập dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn.

**Rủi ro thanh khoản**

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1-5 năm</b>	<b>Tổng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tại ngày 30/06/2015</b>			
Các khoản vay	252.500.000	-	252.500.000
Phải trả người bán và phải trả khác	27.653.777.382	-	27.653.777.382
Chi phí phải trả	735.405.919	-	735.405.919
Công nợ tài chính khác	-	468.494.200	468.494.200
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>			
Các khoản vay	252.500.000	-	252.500.000
Phải trả người bán và phải trả khác	73.726.795.914	-	73.726.795.914
Chi phí phải trả	7.125.940.168	-	7.125.940.168
Công nợ tài chính khác	-	415.694.200	415.694.200

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

## CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KEO HẢI HÀ

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1-5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Tại ngày 30/06/2015</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	24.538.689.207	-	24.538.689.207
Đầu tư ngắn hạn	40.000.000.000	-	40.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	31.263.619.126	-	31.263.619.126
Tài sản tài chính khác	-	209.446.975	209.446.975
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	50.877.095.365	-	50.877.095.365
Đầu tư ngắn hạn	40.000.000.000	-	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	50.750.352.811	-	50.750.352.811
Tài sản tài chính khác	-	209.446.975	209.446.975

### 30. THÔNG TIN KHÁC

Theo Quyết định số 288/QĐ-HDQT ngày 09/06/2011, Hội đồng quản trị Công ty đã phê duyệt dự án “Di dời, đầu tư xây dựng Nhà máy bánh kẹo Hải Hà” tại Khu công nghiệp VSIP Bắc Ninh, Phủ Chân, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh với tổng vốn đầu tư là 485.043.079.000 VND (đã bao gồm thuế GTGT) được hình thành từ nguồn lợi nhuận thu được từ dự án hợp tác đầu tư khai thác khu đất tại 25 Trương Định, Hà Nội sau khi di dời và nguồn quỹ đầu tư phát triển sản xuất của Công ty. Dự án bắt đầu được thực hiện từ quý IV năm 2010 và dự kiến sẽ hoàn thành toàn bộ công trình vào quý IV năm 2015. Tuy nhiên, do thành phố Hà Nội có chủ trương tạm dừng cấp phép cho các dự án nhà thương mại đến hết năm 2014 và thị trường bất động sản vẫn chưa phục hồi nên việc huy động vốn từ Dự án tại địa điểm 25 Trương Định, Hà Nội gặp khó khăn. Điều này dẫn đến việc chậm tiến độ xây dựng Nhà máy mới tại Khu công nghiệp VSIP Bắc Ninh so với kế hoạch Công ty đã đề ra. Hiện tại, Công ty đã triển khai xây dựng một số hạng mục tại Khu công nghiệp VSIP Bắc Ninh như nhà kho nguyên liệu, hệ thống bể nước ngầm... nằm trong các hạng mục của Dự án xây dựng Nhà máy mới.

### 31. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ngày 02 tháng 7 năm 2015, Công ty đã thanh lý hợp đồng hợp tác đầu tư với liên danh DEVYT-ICH do các bên đánh giá việc thực hiện dự án gặp nhiều khó khăn, chậm trễ do sự thay đổi của Luật pháp Việt Nam mà các bên không dự đoán trước được. Công ty không phát sinh bất kỳ quyền lợi và trách nhiệm nào có liên quan về mặt tài chính từ hợp đồng hợp tác đầu tư này. Trong thời gian tới Công ty tiếp tục hoạt động tại 25 Trương Định và một phần tại khu công nghiệp VSIP Bắc Ninh.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**32. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 01, kể từ ngày 01/01/2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 có thể không so sánh được với số liệu tương ứng của năm 2014 do ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Một số chỉ tiêu được phân loại lại trên Báo cáo tài chính phù hợp với quy định của Thông tư 200 nhằm mục đích có thể so sánh được tại ngày 01/01/2015 như sau:

Bảng cân đối kế toán	Mã số	01/01/2015	31/12/2014	Ảnh hưởng
		VND	VND	VND
<b>Tài sản</b>				
Phải thu ngắn hạn khác	136	2.290.218.723	1.205.950.433	1.084.268.290
Tài sản ngắn hạn khác	155	-	1.084.268.290	(1.084.268.290)
<b>Cộng</b>		<b>2.290.218.723</b>	<b>2.290.218.723</b>	<b>-</b>
<b>Nguồn vốn</b>				
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	120.909.092	-	120.909.092
Phải trả ngắn hạn khác	319	479.551.775	600.460.867	(120.909.092)
Quỹ đầu tư phát triển	417	97.119.397.642	87.147.544.874	9.971.852.768
Quỹ dự phòng tài chính	418	-	9.971.852.768	(9.971.852.768)
<b>Cộng</b>		<b>97.719.858.509</b>	<b>97.719.858.509</b>	<b>-</b>

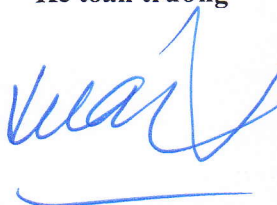
Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2015

Người lập



Đỗ Thu Hà

Kế toán trưởng



Đỗ Thị Kim Xuân

Giám đốc



Trần Hồng Thanh